

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 139/2019/HS - ST
Ngày: 10/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hoài**

Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông Đinh Quang Huân
2. Ông Bùi Xuân Đăng

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, TP Hà Nội.

Đại diện VKSND huyện T - TP Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên**

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 141/2019/HS- ST ngày 15/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2019/QĐXXST - HS ngày 27/8/2019 đối với các bị cáo:

1. TRƯƠNG VĂN Đ, sinh năm 1983; HKTT + Chỗ ở hiện nay: Xóm 8, Thôn Y, xã T, huyện T, Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trương Văn N và bà Nghiêm Thị G; có vợ là Phạm Thị H và 03 con (lớn sinh năm 2008, nhỏ cùng sinh năm 2015); Tiền án: Không; Tiền sự: năm 2004 cai nghiện bắt buộc; Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa.

2. TẠ GIANG N, sinh năm 1990; HKTT: Khu 6, xã X, huyện C, Tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Quốc T và bà Hoàng Thị T; có vợ là Trần Thị H và 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt truy nã, tạm giam từ ngày 14/6/2019. Hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội – có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Anh Lã Văn T - Sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã V, huyện T, Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đặng Văn V - Sinh năm 1986
Địa chỉ: Khu 6, xã X, huyện C, Phú Thọ.
(vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 25/01/2019, Trương Văn Đ và Đỗ Xuân B đi qua xưởng cơ khí gần Viện Khoa học nông nghiệp thuộc xã V, huyện T, Hà Nội thì phát hiện thấy các tấm rào sắt hàn lưới B40 của anh Lã Văn T để ở vệ đường nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và bàn nhau đến tối sẽ quay lại để lấy tài sản. Đến 22 giờ cùng ngày, Tạ Giang N đến nhà Đ ở Y, xã T, huyện T, Hà Nội để sáng hôm sau cùng đi làm sơn với Đ thì Đ rủ N đi trộm cắp tài sản. Khoảng 1 giờ ngày 26/01/2019, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Angel, không gắn biển kiểm soát kéo theo 01 chiếc xe cải tiến chở B và N đi đến khu tập thể V để lấy các tấm rào sắt nhưng thấy các tấm rào sắt này đã bị hàn lại nên Đ, B và N quay lại nhà Đ để lấy xà beng. Trên đường về nhà Đ, cả nhóm Đ phát hiện tại khu đất trống gần Viện khoa học nông nghiệp có 02 khung cửa nhôm kính không có người trông giữ nên đã lấy 2 khung nhôm này để lên xe kéo của Đ và chở đến cửa hàng thu mua sắt vụn của chị Nguyễn Thị T ở Thôn L, xã N để bán nhưng cửa hàng đóng cửa nên Đ, B, N để 2 khung cửa trước cửa hàng của chị T rồi phủ bạt lên. Đ, B, N về nhà Đ lấy xà beng rồi quay trở lại xưởng cơ khí. Đ dùng xà beng cậy mối hàn giữa các tấm rào sắt rồi cả 3 cùng bê các tấm rào sắt lên xe kéo chở về cửa hàng thu mua sắt vụn. Sau đó Đ, B và N cùng đi về nhà Đ.

Khoảng 5 giờ 30 phút ngày 26/01/2019, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Angel của Đ chở theo Đỗ Xuân B còn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 19G1 – 215.23 quay lại cửa hàng thu mua sắt vụn của chị T để bán số tài sản trộm cắp được thì bị anh Lã Văn T phát hiện. Đ chở B bỏ chạy còn anh T bắt giữ được N và trình báo cơ quan công an. Cơ quan công an đã thu giữ của Tạ Giang N 23 bộ rào chắn bằng khung sắt V5 bên trong có lưới B40 và 02 thanh lập B5, khung sắt kích thước 2m90 x 1m60; 01 xe mô tô BKS 19G1 – 215.23, 02 khung cửa nhôm kính; thu giữ của Trương Văn Đ: 01 xe kéo 2 bánh, 01 xe máy nhãn hiệu Angel không kiểm soát, 01 xà beng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 30/KLĐG ngày 22/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: 23 tấm rào sắt trị giá 24.759.000đồng; bản kết luận định giá tài sản số 130/KLĐG ngày 10/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận 02 khung cửa nhôm kính có giá trị 210.000đồng.

Tại cơ quan điều tra:

- Trương Văn Đ và Tạ Giang N khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.
- Anh Lã Văn T đã được nhận lại 23 tấm rào sắt bị trộm cắp và không yêu cầu gì về dân sự.

- Đối với 02 khung nhôm kính quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến 02 chiếc khung nhôm này để điều tra xử lý sau.

- Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 19G1 – 215.23 là tài sản của anh Đặng Văn V, anh V cho N mượn nhưng không biết N sử dụng để trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với chiếc xe kéo 2 bánh, 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel không biển kiểm soát, 01 xà beng qua điều tra xác định được là tài sản của Đ sử dụng làm công cụ phương tiện để trộm cắp tài sản nên tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chị Nguyễn Thị T không biết 23 tấm lưới sắt là tài sản do trộm cắp mà có nên cơ quan điều tra không xử lý.

- Đối với Đỗ Xuân B sau khi khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, B đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã. Do chưa bắt được B nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến Đỗ Xuân B để điều tra xử lý sau.

Bản cáo trạng số 137/CT - VKSTT ngày 08/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Trương Văn Đ, Tạ Giang N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

* Các Bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố là đúng. Khi được nói lời sau cùng các bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

+ xử phạt: Trương Văn Đ từ 12 -18 tháng tù; xử phạt Tạ Giang N từ 09-15 tháng tù.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

+ Phần dân sự không xem xét.

+ Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô và 01 xe cải tiến, Tịch thu tiêu hủy 01 xà beng đã thu giữ của Đ; Trả lại anh Đặng Văn V chiếc xe mô tô BKS 19G1 – 215.23.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra Viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh của bị cáo: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác được thu thập trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 26/01/2019, tại tập thể Viện khoa học nông nghiệp, xã V, huyện T, Hà Nội, Trương Văn Đ và Tạ Giang N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Lã Văn T 23 bộ rào chắn bằng khung sắt V5 bên trong có lưới B40 có tổng giá trị 24.759.000đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo ra trước Tòa án để xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ pháp lý.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo đảm trật tự trị an xã hội cần phải xử lý nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Về vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo Trương Văn Đ là người khởi xướng việc trộm cắp tài sản, chuẩn bị công cụ phương tiện, trực tiếp lấy tài sản và chở tài sản trộm cắp mang đi tiêu thụ; bị cáo N đồng phạm tích cực khi cùng tham gia lấy tài sản và cùng mang tài sản đi tiêu thụ. Như vậy, bị cáo Đ có vai trò cao hơn bị cáo N nên mức hình phạt áp dụng với bị cáo Đ cao hơn bị cáo N.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo N đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo N chưa có tiền án tiền sự; bị cáo Đ có 01 tiền sự cai nghiện bắt buộc năm 2004.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: «*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*». Xét các bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định và để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về dân sự: Anh Lã Văn T đã nhận lại tài sản bị bị cáo chiếm đoạt. Anh T không có yêu cầu gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về vật chứng:

- Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 19G1 – 215.23 là tài sản của anh Đặng Văn V, anh V cho N mượn nhưng không biết N sử dụng để trộm cắp tài sản nên trả lại xe cho anh V.

- Đối với chiếc xe cải tiến 2 bánh, 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel không biển kiểm soát, 01 xà beng qua điều tra xác định được là tài sản của Đ sử dụng làm công cụ phương tiện để trộm cắp tài sản nên cần tịch thu phát mại sung quỹ và tiêu hủy.

[8]. Về các vấn đề khác của vụ án:

- Đối với 02 khung nhôm kính quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến 02 chiếc khung nhôm này để điều tra xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Chị Nguyễn Thị T không biết 23 tấm lưới sắt là tài sản do trộm cắp mà có, cơ quan điều tra không xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với Đỗ Xuân B sau khi khởi tố bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, B đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã. Do chưa bắt được B, Cơ quan cảnh tra điều tra đã ra quyết định tách phần tài liệu liên quan đến Đỗ Xuân B để điều tra xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của UBTV Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được kháng cáo bản án theo Điều 331, 334 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Trương Văn Đ, Tạ Giang N phạm tội «Trộm cắp tài sản».

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trương văn Đ; Khoản 1 điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tạ Giang N.

- Xử phạt bị cáo Trương văn Đ **14 (mười bốn)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Tạ Giang N **10 (mười)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2019.

3. Về áp dụng biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại anh Đặng Văn V chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave có BKS 19G1 – 215.23, số máy 5725859, số khung 726309;

- Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel không biển kiểm soát, số khung 024534, số máy 024534; 01 xe kéo 2 bánh (loại xe bò kéo)

- Tịch thu tiêu hủy 01 xà beng dài 1,2m bằng kim loại.

(Các vật chứng được gửi tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/8/2019)

4. Về án phí: Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Mỗi Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
- Người bị hại (anh Lã Văn T) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (anh Đặng Văn V) có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. T, TP Hà Nội;
- Công an huyện T, TP Hà Nội;
- Cơ quan Thi hành án hình sự H.T, Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. T, Hà Nội;
- Bị cáo.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hoài

